ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

Số: 1342- K8/6290 /KT2-HC2 Ngày: 06/11/2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **NƯỚC SAU XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC HẢI VÂN**
   Vị trí lấy mẫu: Tại vòi sau bể chứa, trước khi bơm vào mạng lưới
2. Ký hiệu mẫu:
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 5 lít, chứa trong can nhựa
5. Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG (DAWACO)
6. Địa chỉ: 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
7. Ngày nhận mẫu: 24/10/2024
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày: 24/10/2024 đến ngày: 06/11/2024
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
1	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3 B&D:2017	< 0,1 (MQL)	≤ 0,3[a]
2	Antimon (Sb)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,002 (MQL)	≤ 0,02[b]
3	Bari (Ba)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,05 (MQL)	≤ 0,7[b]
4	Bor tính chung cho cả Borat và Axit boric	mg/L	SMEWW 4500- B C:2017	< 0,05 (MQL)	≤ 0,3[b]
5	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,002 (MQL)	≤ 0,003[a]
6	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)	≤ 0,01[a]
7	Chromi (Cr)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)	≤ 0,05[b]
8	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)	≤ 1[a]
9	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL = 0,06)	≤ 1,5[a]
10	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,02 (MQL)	≤ 2[a]
11	Natri (Na)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	2,14	≤ 200[a]
12	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,06	≤ 0,2[a]
13	Nickel (Ni)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)	≤ 0,07[b]
14	Seleni (Se)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)	≤ 0,01[b]
15	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2017	KPH (MDL = 0,02)	≤ 0,05[b]
16	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,001 (MQL)	≤ 0,001[a]
17	Cyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500 CN^- E:2017	< 0,001 (MQL)	≤ 0,05[a]
18	1,1,1-Tricloroetan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 2000[b]
19	1,2 - Dicloroetan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 30[b]
20	1,2 - Dicloroeten	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 50[b]
21	Cacbontetraclorua	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 2[b]
22	Diclorometan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[b]

Bản thể hiện của văn bản điện tử có mã số: "0EF6B7222EAA". Được khởi tạo từ phần mềm QUATEST 2.
Tra cứu văn bản điện tử tại Website: https://portal.quatest2.gov.vn/tracuuvbdt

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
23	Tetracloroeten	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 40[b]
24	Tricloroeten	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[b]
25	Vinyl clorua	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,07)	≤ 0,3[a]
26	Benzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 10[b]
27	Etylbenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 300[b]
28	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,017)	≤ 1[a]
29	Styren	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[b]
30	Toluen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 700[b]
31	Xylen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 500[b]
32	1,2-Diclorobenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 1000[b]
33	Monoclorobenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 300[b]
34	Triclorobenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[b]
35	Acrylamide	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 0,1)	≤ 0,5[b]
36	Epiclohydrin	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH (MDL = 0,07)	≤ 0,4[b]
37	Hexacloro butadien	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 0,6[b]
38	1,2-Dibromo-3 Cloropropan (DBCP)	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,2)	≤ 1[b]
39	1,2-Dicloropropan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 40[b]
40	1,3-Dichloropropen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[b]
41	2,4-D	µg/L	KT2.QT.CH-115 (KT2.K8.TN-22/S)	KPH (MDL = 1,0)	≤ 30[b]
42	2,4-DB	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 10)	≤ 90[b]
43	Aldicarb	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 10[b]
44	Atrazine và các dẫn xuất Chloro-s-trazine	µg/L		KPH (MDL = 3,0)	≤ 100[b]
45	Carbofuran	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 5[b]
46	Clorotoluron	µg/L		KPH (MDL = 2,0)	≤ 30[b]
47	Cyanazine	µg/L		KPH (MDL = 0,1)	≤ 0,6[a]
48	Alachlor	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,005)	≤ 20[b]
49	Chlorpyrifos	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,3)	≤ 30[a]
50	Clodane	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,005)	≤ 0,2[b]
51	DDT và các dẫn xuất	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,005)	≤ 1[b]

Bản thể hiện của văn bản điện tử có mã số: "0EF6B7222EAA". Được khởi tạo từ phần mềm QUATEST 2.
Tra cứu văn bản điện tử tại Website: https://portal.quatest2.gov.vn/tracuuvbdt

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
52	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 10)	≤ 100[(b)]
53	Fenoprop (2,4,5-TP)	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 9[(b)]
54	Hydroxyatrazine	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 200[(a)]
55	Isoproturon	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 9[(b)]
56	MCPA	µg/L		KPH (MDL = 0,2)	≤ 2[(b)]
57	Mecoprop (MCPP)	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 10[(b)]
58	Molinate	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 6[(b)]
59	Pendimetalin	µg/L		KPH (MDL = 5,0)	≤ 20[(b)]
60	Simazine	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 2[(b)]
61	Propanil	µg/L		KPH (MDL = 1,0)	≤ 20[(b)]
62	Methoxychlor	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,005)	≤ 20[(b)]
63	Permethrin	µg/L		KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[(b)]
64	Trifluralin	µg/L		KPH (MDL = 0,3)	≤ 20[(b)]
65	2,4,6-Triclorophenol	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,017)	≤ 200[(b)]
66	Bromat	µg/L	ISO 15061:2001	KPH (MDL = 3,0)	≤ 10[(b)]
67	Bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 5021A	5,70	≤ 60[(a)]
68	Dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 5021A	2,18	≤ 100[(a)]
69	Bromoform	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)	≤ 100[(a)]
70	Chloroform	µg/L	US EPA Method 5021A	25,3	≤ 300[(a)]
71	Dichloroacetic acid	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (MDL = 10)	≤ 50[(b)]
72	Trichloroacetic acid	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (MDL = 10)	≤ 200[(a)]
73	Monochloroacetic acid	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (MDL = 5)	≤ 20[(a)]
74	Dichloroaxetonitrile	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (MDL = 3)	≤ 20[(b)]
75	Dibromoaxetonitrile	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (MDL = 3)	≤ 70[(b)]
76	Trichloroaxetonitril	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (MDL = 0,3)	≤ 1[(b)]
77	Monochloramine	mg/L	SMEWW 4500-Cl^- G:2017[(n)]	KPH (MDL = 0,02)	≤ 3,0[(a)]
78	Formaldehyde	µg/L	AOAC 964.21 (2016)[(n)]	KPH (MDL = 200)	≤ 900[(b)]
79	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110 B (2017)	< 0,1 (MQL)	≤ 0,1[(a)]
80	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	SMEWW 7110 B (2017)	< 0,6 (MQL)	≤ 1,0[(b)]

Bản thể hiện của văn bản điện tử có mã số: "0EF6B7222EAA". Được khởi tạo từ phần mềm QUATEST 2.
Tra cứu văn bản điện tử tại Website: https://portal.quatest2.gov.vn/tracuuvbdt

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

Số: 1342- K8/6290 /KT2-HC2 Ngày: 06/11/2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
81	Trực khuẩn mủ xanh *(P. Aeruginosa)* CFU/100mL	ISO 16266:2006	KPH (< 1)	< 1[(a)]
82	Tụ cầu vàng *(Staphylococcus aureus)* CFU/100mL	SMEWW 9213B (2017)	KPH (< 1)	< 1[(a)]

Ghi chú:
- (a): Mức quy định theo QCĐP 01:2024/TPĐN - Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- (b): Mức quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (n): Phép thử chưa được công nhận Vilas.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Văn Tuyên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Ngô Thị Như Loan

Bản thể hiện của văn bản điện tử có mã số: "0EF6B7222EAA". Được khởi tạo từ phần mềm QUATEST 2.
Tra cứu văn bản điện tử tại Website: https://portal.quatest2.gov.vn/tracuuvbdt